

CONTRIBUTING TO THE STUDY OF ETHNIC MINORITY CULTURE IN THE NORTHERN MOUNTAINOUS REGION OF VIETNAM (A CASE STUDY OF THE MATERIAL CULTURE OF THE TAY AND NUNG ETHNIC GROUPS IN BAC SON DISTRICT, LANG SON PROVINCE)

Ha Thi Thu Thuy¹, Ly Thi Hoa Hong^{2*}

¹TNU - University of Education, ²Continuing Education Center - Bac Son district, Lang Son province

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	16/02/2025	The material cultural integration of the Tay and Nung people in Bac Son district, Lang Son province is facing the risk of erosion due to the impacts of economic, social, and external cultural factors. This study aims to clarify the distinctive values of material culture, including housing architecture, traditional clothing, cuisine, and handicrafts, while also identifying challenges and proposing appropriate conservation solutions. Using ethnographic fieldwork, document analysis, and in-depth interviews, the research has gathered crucial data on how these ethnic groups adapt to natural conditions and how their culture has evolved over time. The findings indicate that the housing architecture of the Tay and Nung reflects a deep connection with nature, while traditional clothing and cuisine have largely retained their cultural identity despite the impact of economic development. However, the decline of handicrafts, changes in lifestyle, and the pressures of cultural integration pose significant challenges to the preservation of material culture.
Revised:	04/4/2025	
Published:	04/4/2025	
KEYWORDS		
Culture		
Material		
Lang Son		
Bac Son		
Tay, Nung		

GÓP PHẦN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM (TRƯỜNG HỢP VĂN HOÁ VẬT CHẤT CỦA CÁC TỘC NGƯỜI TÀY, NÙNG Ở CHÂU BẮC SƠN TỈNH LẠNG SƠN)

Hà Thị Thu Thủy¹, Lý Thị Hoa Hồng^{2*}

¹Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên, ²Trung tâm GDNN – GDTX huyện Bắc sơn, tỉnh Lạng Sơn

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	16/02/2025	Hội nhập văn hóa vật chất của người Tày và Nùng tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, đang đối mặt với nguy cơ mai một dưới tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội và văn hóa ngoại lai. Nghiên cứu này nhằm làm rõ những giá trị đặc sắc của văn hóa vật chất, bao gồm kiến trúc nhà ở, trang phục, ẩm thực và nghề thủ công, đồng thời nhận diện những thách thức và đề xuất giải pháp bảo tồn phù hợp. Sử dụng phương pháp điền dã dân tộc học, phân tích tài liệu và phỏng vấn sâu, nghiên cứu đã thu thập được các dữ liệu quan trọng về sự thích ứng của các dân tộc với điều kiện tự nhiên và những biến đổi văn hóa qua thời gian. Kết quả cho thấy kiến trúc nhà ở của người Tày và Nùng phản ánh sự gắn kết với thiên nhiên, trong khi trang phục và ẩm thực truyền thống vẫn giữ được giá trị bản sắc dù chịu ảnh hưởng từ sự phát triển kinh tế. Tuy nhiên, sự suy giảm nghề thủ công, thay đổi lối sống và áp lực từ hội nhập đặt ra thách thức lớn đối với việc bảo tồn văn hóa vật chất.
Ngày hoàn thiện:	04/4/2025	
Ngày đăng:	04/4/2025	
TỪ KHÓA		
Văn hóa		
Vật chất		
Lạng Sơn		
Bắc Sơn		
Tày, Nùng		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12065>

* Corresponding author. Email: hoahongspls@gmail.com

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập và hiện đại hóa, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số, đặc biệt là giá trị văn hóa vật chất, là yêu cầu cấp thiết. Tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, các dân tộc Tày, Nùng sở hữu di sản văn hóa độc đáo, bao gồm kiến trúc nhà ở, trang phục, ẩm thực và nghề thủ công. Những giá trị này không chỉ thể hiện bản sắc riêng mà còn phản ánh mối quan hệ gắn bó giữa con người và tự nhiên, giữa cá nhân và cộng đồng. Tuy nhiên, trước sự phát triển kinh tế và giao thoa văn hóa hiện đại, các yếu tố văn hóa vật chất này đang đứng trước nguy cơ mai một. Trong quá trình xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, văn đề kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, giữ gìn bản lĩnh và bản sắc dân tộc là một trong những vấn đề có ý nghĩa quyết định [1]. Văn hóa vật chất, với tính trực quan và bền vững, là minh chứng rõ nét về cách sống và tín ngưỡng của từng cộng đồng. Kiến trúc nhà sàn của người Tày, nhà đất của người Nùng không chỉ mang giá trị sử dụng mà còn kết nối các thế hệ qua dòng chảy văn hóa. Trang phục, ẩm thực truyền thống và ẩm thực đặc trưng với các phương pháp bảo quản độc đáo cũng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì bản sắc và gắn kết cộng đồng. Nghiên cứu văn hóa vật chất của các dân tộc thiểu số tại huyện Bắc Sơn nhằm làm rõ giá trị đặc sắc, đồng thời nhận diện thách thức và đề xuất giải pháp bảo tồn. Nghiên cứu này không chỉ góp phần bảo vệ di sản văn hóa mà còn tạo nền tảng cho phát triển bền vững và gìn giữ bản sắc dân tộc trong thời kỳ hội nhập.

Văn hóa vật chất của các dân tộc thiểu số tại miền Bắc Việt Nam nói chung và tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn nói riêng, đã được nghiên cứu từ nhiều góc độ, bao gồm kiến trúc nhà ở, trang phục, ẩm thực và nghề thủ công. Các yếu tố văn hóa vật chất không chỉ thể hiện bản sắc riêng biệt mà còn phản ánh mối quan hệ sâu sắc giữa con người và môi trường sống.

Kiến trúc nhà ở là một trong những biểu hiện văn hóa vật chất tiêu biểu nhất của các dân tộc thiểu số miền Bắc. Nhà ở truyền thống của người Tày, Nùng ở huyện Bắc Sơn có những đặc điểm riêng biệt, phản ánh cách mà các dân tộc này thích nghi với điều kiện tự nhiên và xã hội. Theo [2], nhà sàn của người Tày vừa kiên cố, vừa giữ gìn được không gian nhà sàn ba gian hai trái, sân sào chắc chắn, an toàn cho việc sinh hoạt. Việc xây dựng nhà sàn của người Tày tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phong thủy, họ chọn ngày lành tháng tốt, hướng nhà phù hợp và thực hiện các nghi lễ cúng bái để đảm bảo ngôi nhà mang lại may mắn, xua đuổi tà ma và mang lại bình an cho gia đình [3]. Nhà đất của người Nùng cũng thể hiện tính độc đáo riêng khi chịu ảnh hưởng của địa hình đồi núi và điều kiện kinh tế địa phương, làm nổi bật tính thích ứng của người Nùng trong môi trường khó khăn [4].

Trang phục truyền thống là biểu tượng của bản sắc văn hóa, mang trong mình những giá trị tâm linh và xã hội. Theo [5], trang phục của người Tày, Nùng được làm từ chất liệu tự nhiên, sử dụng những hoa văn và màu sắc đặc trưng nhằm biểu đạt tầng lớp xã hội và tín ngưỡng của từng dân tộc. Hơn nữa, trang phục của các dân tộc ở huyện Bắc Sơn đã chịu tác động từ điều kiện kinh tế và các mối giao lưu văn hóa, dẫn đến những thay đổi nhất định trong cách sử dụng và cách thức trang trí. Tuy nhiên, trang phục truyền thống vẫn giữ nguyên được những giá trị cốt lõi và là một phần không thể thiếu trong các nghi lễ quan trọng của cộng đồng, là một trong những phương tiện giúp thế hệ trẻ kết nối với bản sắc văn hóa và niềm tự hào dân tộc, từ đó củng cố ý thức về trách nhiệm bảo vệ và duy trì di sản [6].

Văn hóa ẩm thực của các dân tộc thiểu số tại miền Bắc không chỉ là nhu cầu sinh hoạt mà còn là biểu hiện của bản sắc và truyền thống. Người Tày, Nùng có những phương pháp bảo quản thực phẩm riêng biệt như phơi khô, muối chua và ướp gia vị để phù hợp với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, các phương thức này không chỉ đảm bảo nguồn lương thực ổn định mà còn phản ánh cách mà các dân tộc ứng phó và thích nghi với môi trường [7]. Ẩm thực cũng là một phần của các nghi lễ văn hóa, món ăn không chỉ có ý nghĩa dinh dưỡng mà còn mang giá trị tinh thần, giúp cộng đồng thể hiện lòng thành kính với tổ tiên và các vị thần. Hương vị và cách chế biến món ăn truyền thống là những yếu tố kết nối giữa các thành viên trong gia đình và cộng đồng, tạo nên một không gian văn hóa đặc biệt trong mỗi bữa ăn.

Nghề thủ công của các dân tộc thiểu số tại huyện Bắc Sơn, đặc biệt là nghề dệt, đan lát và rèn, không chỉ cung cấp những sản phẩm phục vụ nhu cầu hàng ngày mà còn góp phần bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống. Nghề dệt của người Tày và người Nùng tại huyện Bắc Sơn là một phần không thể thiếu trong đời sống kinh tế và tinh thần. Các sản phẩm dệt tay mang hoa văn độc đáo, thể hiện tính sáng tạo và bản sắc văn hóa riêng biệt. Nghề thủ công còn là phương tiện để truyền dạy kỹ năng và ý thức cộng đồng cho thế hệ trẻ, giúp duy trì sự kết nối giữa các thế hệ và bảo tồn các giá trị văn hóa [8]. Hơn nữa, nghề thủ công không chỉ đóng vai trò trong đời sống kinh tế mà còn phản ánh những giá trị văn hóa và tín ngưỡng của các dân tộc. Các sản phẩm như trang phục dệt tay, đồ dùng gia đình và đồ trang trí đều mang những biểu tượng truyền thống, giúp thế hệ trẻ hiểu và trân trọng hơn những di sản của cộng đồng mình, là sợi dây liên kết giúp duy trì các giá trị văn hóa, góp phần củng cố tinh thần đoàn kết và tự hào dân tộc.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu về văn hóa vật chất của các dân tộc thiểu số tại huyện Bắc Sơn, nhóm tác giả sử dụng ba phương pháp chính: điền dã dân tộc học, phân tích tài liệu, và phỏng vấn sâu, nhằm đạt được cái nhìn toàn diện và sâu sắc về văn hóa của các dân tộc Tày, Nùng.

Điền dã dân tộc học: là phương pháp cốt lõi, cho phép nhà nghiên cứu quan sát trực tiếp đời sống cộng đồng, tham gia vào các phong tục, nghi lễ, và hoạt động sinh hoạt hàng ngày. Qua đó, nghiên cứu khai thác thông tin chi tiết về kiến trúc nhà ở, trang phục, tổ chức không gian sống, cũng như các nghề thủ công truyền thống như dệt vải và đan lát, giúp hiểu rõ ý nghĩa tâm linh và văn hóa của những yếu tố vật chất này.

Phân tích tài liệu: dựa trên các nguồn tài liệu thứ cấp như sách, báo, và tài liệu lưu trữ, phương pháp này cung cấp bối cảnh lịch sử và làm nền tảng cho các dữ liệu thực địa. Tác giả so sánh, đối chiếu các nguồn thông tin để xác định sự tương đồng và khác biệt trong kiến trúc, trang phục, ẩm thực, và nghề thủ công, qua đó đưa ra cái nhìn tổng quan và đáng tin cậy về văn hóa vật chất.

Phỏng vấn: tập trung thu thập thông tin từ các trưởng làng, nghệ nhân, và người cao tuổi, đối tượng phỏng vấn được lựa chọn dựa trên tiêu chí là những người có uy tín, kinh nghiệm lâu năm trong cộng đồng, hiểu rõ các yếu tố văn hóa vật chất truyền thống và có khả năng cung cấp thông tin sâu sắc, khách quan. Dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn được ghi âm, ghi chép chi tiết, sau đó được xử lý và phân loại nội dung nhằm xác định các chủ đề chính liên quan đến kiến trúc nhà ở, trang phục, ẩm thực và nghề thủ công truyền thống. Ngoài ra, để tăng độ tin cậy và khách quan cho kết quả nghiên cứu, tác giả cũng tiến hành kiểm chứng chéo thông tin giữa các nguồn dữ liệu khác nhau. Nghiên cứu đã thực hiện tổng cộng 20 cuộc phỏng vấn sâu tại các làng bản thuộc huyện Bắc Sơn, với tỷ lệ phản hồi đạt 95%, qua đó thu thập được số liệu thống kê cụ thể phục vụ phân tích và đối chiếu.

Kết hợp các phương pháp: việc kết hợp cả ba phương pháp mang lại góc nhìn toàn diện và đa chiều, không chỉ mô tả mà còn phân tích chi tiết các yếu tố văn hóa vật chất. Điều này tạo cơ sở cho các đề xuất và giải pháp bảo tồn hiệu quả, góp phần duy trì bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Đặc điểm kiến trúc nhà ở truyền thống của dân tộc Tày, Nùng

Nhà sàn của người Tày, nhà đất của người Nùng và các kiểu nhà của người Dao đều mang những đặc điểm riêng biệt, đồng thời chứa đựng giá trị tinh thần và văn hóa sâu sắc. Nhà sàn là kiểu kiến trúc phổ biến của người Tày, thường được xây dựng từ gỗ và tre, với sàn nhà cách mặt đất từ 1,5 đến 2 mét. Kiểu nhà này giúp người Tày chống lại lũ lụt và côn trùng, đồng thời tạo không gian thoáng đãng và mát mẻ. Nhà sàn không chỉ là nơi sinh sống mà còn là trung tâm của các hoạt động văn hóa và gia đình, nơi diễn ra các nghi lễ quan trọng và sinh hoạt cộng đồng. Người Tày tin rằng ngôi nhà là nơi trú ngụ của các thế lực siêu nhiên, nên việc bố trí nhà ở theo

phong thủy là rất cần thiết [9]. Người Nùng thường sống trong các ngôi nhà đất được xây dựng từ đất sét, tre và mái ngói hoặc mái tranh. Kiểu nhà này giúp bảo vệ người dân khỏi thời tiết khắc nghiệt và là một biểu tượng cho sự gắn bó với đất đai. Nhà đất của người Nùng thể hiện tính kiên cố và sự thích ứng với điều kiện sống, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động tín ngưỡng và gia đình. Gian thờ tổ tiên thường được đặt ở vị trí trang trọng, thể hiện lòng kính trọng và kết nối giữa các thế hệ trong gia đình [10]. Nhà ở truyền thống của các dân tộc Tày, Nùng không chỉ phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức gia đình và sinh hoạt cộng đồng, không gian sinh hoạt chung trong các ngôi nhà truyền thống là nơi diễn ra các nghi lễ gia đình, như cúng tổ tiên và các hoạt động văn hóa. Nhà ở cũng là nơi để các thế hệ gặp gỡ, chia sẻ và truyền dạy những giá trị văn hóa cho thế hệ trẻ.

3.2. Trang phục và phong cách mặc truyền thống của dân tộc Tày, Nùng

Trang phục truyền thống của các dân tộc Tày, Nùng tại huyện Bắc Sơn không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hàng ngày mà còn mang trong mình các giá trị văn hóa và tín ngưỡng đặc trưng. Trang phục của người Tày thường được làm từ vải bông tự dệt, có màu chàm hoặc đen, tượng trưng cho sự giản dị và kín đáo. Áo dài của phụ nữ Tày thường có cổ tròn, tay dài và không thêu hoa văn quá phức tạp, phù hợp với môi trường lao động và đời sống hàng ngày. Đối với nam giới, trang phục bao gồm áo cánh ngắn, quần dài và khăn quấn đầu, tạo nên phong cách thanh lịch và mộc mạc. Màu chàm trong trang phục người Tày mang ý nghĩa tâm linh, được xem là màu của đất và sự bảo vệ khỏi tà ma [2]. Trang phục của người Nùng cũng có nét tương đồng với người Tày về màu sắc nhưng thường có thêm các họa tiết thêu tay tinh xảo. Phụ nữ Nùng thường mặc váy hoặc quần dài với áo khoác ngoài, được thêu hoa văn ở cổ và tay áo, biểu trưng cho sự tài hoa và công phu trong lao động. Họa tiết thêu thường là các biểu tượng của thiên nhiên, thể hiện sự gắn bó với đất đai và niềm tin về may mắn. Nam giới Nùng cũng mặc áo chàm hoặc đen, nhưng điểm nhấn ở trang phục của họ là các chi tiết thêu thủ công ở cổ áo hoặc vạt áo, biểu thị tầng lớp và vị trí trong xã hội [5]. Trang phục truyền thống không chỉ có giá trị sử dụng mà còn là phương tiện để biểu hiện tầng lớp xã hội và tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số tại huyện Bắc Sơn. Màu chàm trên trang phục của người Tày, Nùng thể hiện sự khiêm nhường và kết nối với thiên nhiên, giúp bảo vệ người mặc khỏi những tác động xấu từ bên ngoài.

3.3. Phương thức bảo quản thực phẩm và văn hóa ẩm thực của dân tộc Tày, Nùng

Phương pháp bảo quản thực phẩm của người Tày, Nùng bao gồm phơi, sấy, ướp muối và lên men, giúp kéo dài thời gian sử dụng và đảm bảo an toàn thực phẩm trong điều kiện khí hậu nóng ẩm của vùng núi. Người Tày thường dùng phương pháp phơi hoặc sấy để bảo quản các loại thịt và cá. Thịt lợn, gà, hoặc cá sau khi ướp gia vị được phơi khô hoặc treo trên gác bếp, tạo ra những món ăn đặc trưng như thịt treo gác bếp, cá sấy khô. Người Nùng sử dụng muối và ớt để bảo quản rau củ và thịt, tạo ra các món như dưa chua, cà muối, măng ngâm chua, các món lên men như dưa chua không chỉ là thực phẩm dự trữ mà còn cung cấp dưỡng chất và giúp cải thiện hệ tiêu hóa, phù hợp với điều kiện sinh hoạt trong mùa lạnh.

Văn hóa ẩm thực của các dân tộc Tày, Nùng gắn liền với điều kiện tự nhiên và kinh tế địa phương. Điều kiện khí hậu núi cao, ẩm ướt và lạnh vào mùa đông đã thúc đẩy các dân tộc phát triển phương pháp phơi, sấy và ướp muối để bảo quản thực phẩm, tránh tình trạng hư hỏng. Ngoài ra, do kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp tự cung tự cấp, người dân nơi đây phải tận dụng nguồn lương thực có sẵn và bảo quản chúng để đảm bảo nguồn thực phẩm cho gia đình trong suốt mùa đông. Ẩm thực không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh tồn mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì bản sắc văn hóa và gắn kết cộng đồng. Những món ăn đặc trưng như thịt treo gác bếp của người Tày, dưa chua của người Nùng không chỉ là món ăn mà còn là biểu tượng văn hóa, phản ánh phương thức sinh hoạt và tri thức bản địa. Trong các lễ hội truyền thống, ẩm thực không chỉ là phần không thể thiếu mà còn là phương tiện để thể hiện lòng kính trọng với tổ tiên, kết nối các thế hệ và khẳng định bản sắc dân tộc.

3.4. Tổ chức không gian sống và sinh hoạt cộng đồng của dân tộc Tày, Nùng

Tổ chức không gian sống của các dân tộc Tày, Nùng tại huyện Bắc Sơn không chỉ phục vụ nhu cầu sinh hoạt mà còn mang ý nghĩa văn hóa và tâm linh sâu sắc, thể hiện lối sống gắn kết và tôn trọng truyền thống. Trong kiến trúc nhà sàn của người Tày, không gian thường được chia thành các khu vực rõ ràng: gian thờ, khu vực sinh hoạt chung, và bếp. Gian thờ tổ tiên thường nằm ở vị trí trung tâm và trang trọng nhất trong nhà, được bài trí với các vật phẩm tâm linh và đèn nến. Đây là nơi người Tày thể hiện lòng kính trọng đối với tổ tiên, và là trung tâm cho các nghi lễ gia đình. Phần bếp thường được bố trí gần khu vực sinh hoạt chung, nơi cả gia đình có thể quây quần bên nhau vào các buổi tối, tạo nên sự gắn kết giữa các thành viên. Người Nùng cũng có cách bố trí tương tự, với gian thờ và bếp được sắp xếp ở vị trí phù hợp, bếp không chỉ là nơi nấu ăn mà còn là nơi sum họp của gia đình, mang ý nghĩa biểu tượng về sự ấm cúng và gắn bó. Gian thờ tổ tiên trong nhà người Nùng được chăm sóc kỹ lưỡng, thể hiện lòng tôn kính và niềm tin vào sự che chở của tổ tiên. Việc tổ chức không gian sống có tác động lớn đến tính gắn kết và đoàn kết trong cộng đồng. Gian thờ tổ tiên là điểm kết nối tâm linh giữa các thế hệ, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa quá khứ và hiện tại. Các không gian chung trong nhà như khu vực sinh hoạt và bếp là nơi diễn ra các cuộc gặp gỡ, trò chuyện, giúp củng cố tình cảm và mối quan hệ trong gia đình.

3.5. Thảo luận

3.5.1. Sự khác biệt trong văn hóa vật chất giữa các dân tộc

Kiến trúc nhà ở của người Tày, Nùng có sự khác biệt rõ rệt, phản ánh điều kiện tự nhiên và lịch sử của từng dân tộc. Người Tày ưa chuộng nhà sàn với vật liệu gỗ và tre, phù hợp với địa hình đồi núi và giúp tránh được những ảnh hưởng từ khí hậu như lũ lụt và ẩm ướt. Nhà sàn cũng mang tính biểu tượng cao, là nơi diễn ra các nghi lễ tín ngưỡng và sinh hoạt cộng đồng, thể hiện sự kết nối chặt chẽ giữa gia đình và tổ tiên. Ngược lại, người Nùng chủ yếu sống trong nhà đất, với mái tranh hoặc ngói, giúp giữ nhiệt tốt và thích hợp với mùa đông lạnh ở huyện Bắc Sơn. Kiến trúc này cũng thể hiện sự gắn bó của người Nùng với đất đai và tính kiên cố trong lối sống. So với nghiên cứu trước đây của Phan Đình Thuận [4] về nhà ở người Nùng tại Thái Nguyên chủ yếu nhấn mạnh sự thích ứng với địa hình và nguyên liệu sẵn có tại địa phương, nghiên cứu này tác giả đã làm rõ thêm yếu tố tâm linh và giá trị văn hóa biểu tượng trong kiến trúc nhà ở của người Nùng tại Bắc Sơn.

Trang phục của các dân tộc tại huyện Bắc Sơn cũng phản ánh sự khác biệt trong thẩm mỹ và tín ngưỡng. Người Tày và Nùng thường mặc trang phục màu chàm hoặc đen, tượng trưng cho sự giản dị và khiêm nhường, với những hoa văn đơn giản nhưng mang ý nghĩa sâu sắc. Nếu như người Tày ưu tiên sự đơn giản, ít hoa văn, thể hiện tính khiêm nhường và thực dụng trong đời sống, thì người Nùng lại nổi bật hơn với trang phục được thêu hoa văn tỉ mỉ và tinh xảo, thể hiện rõ tính sáng tạo và thẩm mỹ riêng của cộng đồng này. So với nghiên cứu của Sa Thị Thanh Nga [5] về sự biến đổi trang phục người Nùng ở Cao Bằng chịu ảnh hưởng mạnh từ văn hóa bên ngoài, nghiên cứu tại huyện Bắc Sơn cho thấy người Nùng nơi đây vẫn giữ được nét truyền thống trong trang trí trang phục, dù có những thay đổi nhỏ về kiểu dáng nhằm thích nghi với cuộc sống hiện đại. Những khác biệt này không chỉ thể hiện thẩm mỹ riêng mà còn mang tính biểu tượng cao, giúp xác định tầng lớp xã hội và tín ngưỡng của từng dân tộc. Trong ẩm thực, người Tày, Nùng đều có các món ăn truyền thống được bảo quản bằng phương pháp phơi, sấy hoặc ướp muối, phù hợp với điều kiện khí hậu núi cao và ít phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài. Tuy nhiên, mỗi dân tộc có món ăn đặc trưng riêng, như thịt treo gác bếp của người Tày, dưa chua của người Nùng vừa đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng vừa giữ được hương vị truyền thống. Điểm khác biệt rõ nét là người Tày sử dụng phương pháp phơi sấy để bảo quản thịt và cá, phản ánh sự thích ứng với môi trường nhiều sông suối, trong khi người Nùng tập trung vào các phương pháp lên men và muối chua phù hợp với các sản phẩm nông nghiệp địa phương như rau củ và măng rừng. So với nghiên cứu của Thiện Lê [7] về phương pháp bảo quản thực phẩm truyền thống tại các

vùng núi phía Bắc, kết quả nghiên cứu này đã làm rõ hơn các yếu tố văn hóa và nghi lễ liên quan trực tiếp đến các món ăn đặc trưng của hai dân tộc Tày và Nùng. Những khác biệt này cho thấy sự thích nghi của từng dân tộc với môi trường tự nhiên và cách họ duy trì bản sắc văn hóa qua ẩm thực. Những khác biệt trong văn hóa vật chất không chỉ giúp mỗi dân tộc duy trì bản sắc riêng mà còn tạo ra sự phong phú, đa dạng trong đời sống văn hóa tại Bắc Sơn. Mỗi yếu tố trong kiến trúc, trang phục và ẩm thực đều phản ánh giá trị truyền thống, hệ tín ngưỡng và mối quan hệ sâu sắc với thiên nhiên của từng dân tộc, góp phần làm nên một di sản văn hóa độc đáo và đáng tự hào cho cộng đồng nơi đây.

3.5.2. Tác động của điều kiện tự nhiên và kinh tế đến văn hóa vật chất

Bắc Sơn là vùng núi cao với khí hậu ôn đới ẩm, mùa đông lạnh và mưa nhiều, khiến các dân tộc nơi đây phải thích nghi trong sinh hoạt hàng ngày. Địa hình đồi núi buộc người Tày phải xây dựng nhà sàn bằng gỗ và tre, giúp cách ly khỏi đất ẩm, đồng thời bảo vệ khỏi lũ lụt và thú hoang. Nhà đất của người Nùng thì phù hợp với mùa đông lạnh, giữ nhiệt tốt và tạo nên không gian ấm cúng cho cả gia đình.

Trang phục và ẩm thực cũng chịu tác động lớn từ điều kiện địa lý và khí hậu. Trang phục của các dân tộc Tày, Nùng thường có màu tối, chất liệu bông, lanh, và len, nhằm giữ ấm và chịu được thời tiết khắc nghiệt. Ẩm thực sử dụng những phương pháp bảo quản truyền thống như phơi, sấy, và muối nhằm kéo dài thời gian sử dụng, đảm bảo nguồn thực phẩm trong suốt mùa đông. Điều này không chỉ giúp họ đối phó với điều kiện sống khó khăn mà còn hình thành nét đặc trưng trong văn hóa ẩm thực của từng dân tộc. Sự phát triển kinh tế và hội nhập văn hóa trong những thập kỷ gần đây đã tạo ra nhiều thay đổi trong văn hóa vật chất của các dân tộc tại huyện Bắc Sơn. Các vật liệu xây dựng hiện đại như xi măng, gạch đã dần thay thế các vật liệu tự nhiên như tre, gỗ. Nhà ở mới ngày càng được xây dựng kiên cố hơn, có khả năng chịu đựng tốt trước thiên tai, nhưng phần nào làm mất đi tính truyền thống trong kiến trúc bản địa. Trang phục truyền thống cũng dần bị thay thế bởi quần áo hiện đại dễ mua và tiện lợi, mặc dù trong các dịp lễ hội, người dân vẫn duy trì trang phục cổ truyền như một biểu tượng văn hóa. Hội nhập văn hóa và sự phát triển kinh tế còn ảnh hưởng đến ẩm thực truyền thống. Các món ăn nhanh, thực phẩm chế biến sẵn đã dần trở nên phổ biến, làm cho các phương pháp bảo quản truyền thống ít được sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày. Tuy nhiên, nhiều gia đình vẫn gìn giữ các món ăn truyền thống trong những dịp lễ hội quan trọng, để truyền lại hương vị và giá trị văn hóa cho thế hệ sau. Mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng từ điều kiện tự nhiên và sự biến động kinh tế, văn hóa vật chất của các dân tộc Tày, Nùng tại huyện Bắc Sơn vẫn giữ được khả năng thích ứng cao. Kiến trúc, trang phục và ẩm thực truyền thống đã được thay đổi, cải tiến để phù hợp hơn với cuộc sống hiện đại, nhưng vẫn giữ lại những giá trị cốt lõi, tạo nên một bản sắc văn hóa vừa độc đáo vừa thích nghi với thời đại.

3.5.3. Thách thức và giải pháp bảo tồn văn hóa vật chất

Hiện đại hóa là thách thức lớn nhất đối với việc bảo tồn văn hóa vật chất, khi mà các vật liệu và kiến trúc truyền thống dần bị thay thế bởi các loại hình hiện đại, khiến các giá trị văn hóa truyền thống dần mai một. Bên cạnh đó, lối sống thay đổi khiến trang phục, ẩm thực và các nghề thủ công truyền thống không còn phù hợp trong sinh hoạt hàng ngày, khiến các giá trị văn hóa dần bị lãng quên. Áp lực kinh tế cũng là yếu tố tác động mạnh đến văn hóa vật chất. Nhiều gia đình chuyển từ hoạt động nông nghiệp sang các nghề khác để tăng thu nhập, khiến các nghề thủ công truyền thống như dệt vải, đan lát không còn được duy trì, thế hệ trẻ ít tham gia vào các hoạt động văn hóa truyền thống, gây nên nguy cơ đứt gãy văn hóa giữa các thế hệ. Thực trạng này tương tự như nghiên cứu của Trần Bình [9] khi nhấn mạnh các nghề thủ công truyền thống của người Dao, H'mong ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ mai một nghiêm trọng do làn sóng công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh chóng.

Để bảo tồn văn hóa vật chất, sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương là cần thiết. Chính quyền có thể đưa ra các chính sách khuyến khích bảo tồn văn hóa, hỗ trợ tài chính cho các gia đình thực

hiện bảo tồn nhà ở và trang phục truyền thống. Đồng thời, cần có các chương trình giáo dục cộng đồng để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của văn hóa vật chất, đặc biệt là trong các trường học và các hoạt động cộng đồng, giúp thế hệ trẻ hiểu rõ và tự hào về di sản văn hóa của mình. Cụ thể, có thể triển khai các mô hình giáo dục trải nghiệm thực tế, đưa nội dung văn hóa vật chất vào các chương trình giáo dục phổ thông, hoặc tổ chức các ngày hội văn hóa bản địa định kỳ để giúp thanh thiếu niên trực tiếp trải nghiệm, qua đó tạo động lực mạnh mẽ hơn trong bảo tồn di sản. Bên cạnh đó, nghiên cứu này cũng đề xuất giải pháp xây dựng mô hình làng văn hóa truyền thống kết hợp du lịch cộng đồng, tạo điều kiện cho người dân vừa phát triển kinh tế vừa bảo tồn và giới thiệu các giá trị văn hóa vật chất đặc sắc của người Tày và Nùng. So với các nghiên cứu trước đây chỉ tập trung vào vấn đề bảo tồn đơn lẻ từng lĩnh vực, giải pháp này nhấn mạnh tính liên kết và tính bền vững, góp phần bảo tồn một cách hiệu quả hơn và duy trì các giá trị văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập. Việc tổ chức các lễ hội truyền thống và các lớp học thủ công có thể giúp bảo tồn và truyền dạy văn hóa truyền thống một cách hiệu quả, tạo động lực cho các thế hệ trẻ tham gia và duy trì các giá trị văn hóa dân tộc. Việc bảo tồn văn hóa vật chất không chỉ giúp giữ gìn bản sắc dân tộc mà còn góp phần phát triển bền vững cho cộng đồng. Các giải pháp trên không chỉ phù hợp với thực tế địa phương mà còn kế thừa, mở rộng kết quả từ các nghiên cứu trước, qua đó khẳng định tính mới và sự đóng góp quan trọng của nghiên cứu này vào việc bảo tồn và phát triển bền vững văn hóa vật chất của các dân tộc thiểu số tại huyện Bắc Sơn.

4. Kết luận

Văn hóa vật chất của người Tày, Nùng không chỉ là các biểu hiện bên ngoài mà còn chứa đựng giá trị tinh thần sâu sắc, đóng vai trò kết nối thế hệ và duy trì bản sắc cộng đồng. Kiến trúc nhà ở, trang phục, văn hóa ẩm thực và tổ chức không gian sống minh chứng cho sự khéo léo và khả năng thích ứng của các dân tộc với điều kiện tự nhiên và lịch sử. Nhà sàn của người Tày, nhà đất của người Nùng phản ánh mối quan hệ hài hòa với thiên nhiên, đồng thời lưu giữ các giá trị truyền thống. Trang phục với hoa văn và màu sắc đặc trưng không chỉ bảo vệ con người mà còn là biểu tượng văn hóa và tín ngưỡng. Phương pháp bảo quản thực phẩm truyền thống góp phần duy trì bản sắc, đồng thời thể hiện sự sáng tạo trong thích nghi với môi trường sống. Tuy nhiên, văn hóa vật chất của các dân tộc thiểu số tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đang đối mặt với thách thức lớn từ hiện đại hóa, thay đổi lối sống và tác động kinh tế. Các nghề thủ công suy giảm, thế hệ trẻ ít quan tâm đến giá trị truyền thống, và sự hội nhập văn hóa hiện đại đã làm biến đổi nhiều phong tục. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa. Sự hỗ trợ từ chính quyền thông qua các chính sách bảo tồn, tổ chức các hoạt động văn hóa và giáo dục cộng đồng là giải pháp quan trọng. Các lớp học thủ công và lễ hội truyền thống không chỉ tái hiện văn hóa mà còn truyền dạy những giá trị cốt lõi cho thế hệ trẻ, khơi dậy lòng tự hào và trách nhiệm đối với di sản dân tộc. Việc bảo tồn văn hóa vật chất không chỉ bảo vệ bản sắc dân tộc mà còn góp phần xây dựng nền tảng phát triển bền vững cho cộng đồng trong thời kỳ hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] D. T. Hoa, "Preserving traditional cultural heritage of ethnic minorities in the context of development and integration," *Journal of Ethnic Studies*, vol. 21, pp. 97-100, 2018.
- [2] N. T. T. Thao, "Some features of the Tau character of the Tay people in Tuyen Quang," *Tan Trao University Science Journal*, vol. 20, pp. 37-46, 2021.
- [3] T. D. Nguyen and P. D. Nguyen, "Traditional architecture of Tay ethnic group in Thai Nguyen from the perspective of bioclimatic analysis," *Journal of Construction Science and Technology*, vol. 9, no. 4, pp. 13-18, 2015.
- [4] D. T. Phan, "The process of building houses of the Nung people in Dong Hy district, Thai Nguyen province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 84, no. 08, pp. 59-64, 2014.
- [5] T. T. N. Sa, "Identifying some trends in costume changes of the Nung and Hmong people in the border area of Cao Bang province," *Journal of Ethnology*, vol. 5, pp. 102-112, 2022.

-
- [6] D. C. Nguyen and T. H. Nguyen, "Promoting the cultural value of traditional costumes of ethnic minorities to serve socio-economic development in Na Hang district, Tuyen Quang province," *Journal of National Strategy and Policy*, vol. 12, no. 1, pp. 13-19, 2023.
- [7] T. Le, "Traditional Vietnamese food preservation methods you may not know," 2021. [Online]. Available: <https://patyca.com/blogs/tan-man-ve-am-thuc/nhung-phuong-phap-bao-quan-thuc-pham-truyen-thong>. [Accessed October 26, 2024].
- [8] K. B. Giang, "Preserving traditional crafts of ethnic minorities in the 4th industrial revolution," 2020. [Online]. Available: <https://hvd.edu.vn/nghien-cuu/nghien-cuu-trao-doi/bao-ton-nghe-thu-cong-truyen-thong-cua-cac-dan-toc-thieu-so-trong-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-4>. [Accessed October 26, 2024].
- [9] B. Tran, "Some issues on architecture and housing of ethnic minorities in Northern Vietnam from the 10th to the 18th centuries," pp. 1-10, 2010. [Online]. Available: https://s2.ebook.net.vn/web/viewer.html?file=https://s2.ebook.net.vn/demo/2021/09/30/mot_so_van_de_ve_kien_truc_va_nha_o_cua_cac_toc_nguoi_thieu_CHt4eODzgh.png. [Accessed October 26, 2024].
- [10] T. V. Tran, "Preserving and promoting the traditional cultural capital of the Northern mountainous ethnic groups migrating to the Central Highlands," *East Asia University Science Journal*, vol. 2, no. 2, pp. 74-85, 2023.